

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ của Ngành Giáo dục và Đào tạo áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ);

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1649/QĐ - BGDDT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế lĩnh vực Giáo dục, đào tạo với nước ngoài và lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 1650/QĐ - BGDDT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 1672/QĐ - BGDDT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, lĩnh vực Kiểm định chất lượng giáo dục, thủ tục hành chính được thay thế, lĩnh vực Văn bằng, chứng chỉ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 1674/QĐ - BGDDT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 1693/QĐ - BGDDT ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Giáo dục trung học, lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống quốc dân, lĩnh vực Thi tuyển sinh thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 1755/QĐ - BGDDT ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và

Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 92 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 19 thủ tục hành chính thay thế; 16 thủ tục hành chính bị bãi bỏ của Ngành Giáo dục và Đào tạo áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*Có Danh mục thủ tục hành chính; nội dung thủ tục hành chính được được chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình, biểu mẫu điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính kèm theo*).

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh (đ/c Hòa);
- Công dịch vụ công quốc gia;
- Lưu: VT, PVHCC, ĐM.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Gia Long

Phần I.**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ CỬ CỦA NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang)

A. DANH MỤC TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
I	TTHC CẤP TỈNH		
	Lĩnh vực: Giáo dục trung học		
1	1.012944	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2	1.012953	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo
3	1.012954	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục trở lại	Sở Giáo dục và Đào tạo
4	1.012955	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
5	1.012956	Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
	Lĩnh vực: Giáo dục, đào tạo với nước ngoài		
6	1.008723	Chuyển đổi trường trung học, trường trung học tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học do nhà	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

		đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	
7	1.008722	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Lĩnh vực: Giáo dục thường xuyên			
8	3.000315	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	Sở Giáo dục và Đào tạo
9	3.000316	Cho phép trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại	Sở Giáo dục và Đào tạo
10	3.000317	Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	Sở Giáo dục và Đào tạo
11	1.012988	Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	Sở Giáo dục và Đào tạo
Lĩnh vực: Các cơ sở giáo dục khác			
12	1.012958	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
13	1.005008	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	<i>Sở Giáo dục và Đào tạo</i>
14	1.004988	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại	<i>Sở Giáo dục và Đào tạo</i>
15	1.004999	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo

16	1.004991	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên	<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>
17	1.012959	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo.
18	3.000297	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo.
19	3.000298	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục trở lại	Sở Giáo dục và Đào tạo.
20	3.000299	Sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
21	3.000300	Giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
22	3.000301	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
23	3.000302	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo
24	3.000303	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục trở lại	Sở Giáo dục và Đào tạo
25	3.000304	Sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật	Sở Giáo dục và Đào tạo
26	3.000305	Giải thể trường dành cho người khuyết tật (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
27	3.000306	Thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

		thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông	
	Lĩnh vực: Giáo dục nghề nghiệp		
28	2.000189	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	Sở Giáo dục và Đào tạo
29	1.000389	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	Sở Giáo dục và Đào tạo
30	1.000154	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
31	1.000138	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
32	1.000553	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
33	1.000530	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
34	1.000167	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	Sở Giáo dục và Đào tạo
35	1.010928	Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung	Sở Giáo dục và Đào tạo

		tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	
36	2.000130	Thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
37	1.000159	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
Lĩnh vực: Giáo dục nghề nghiệp			
38	2.001959	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp
Lĩnh vực: Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân			
39	1.005144	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
40	1.000288	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	Sở Giáo dục và Đào tạo
41	1.000280	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	Sở Giáo dục và Đào tạo
42	1.000691	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia	Sở Giáo dục và Đào tạo
43	1.001714	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	UBND cấp xã/Sở GDĐT/Cơ sở GD công lập
Lĩnh vực: Thi, tuyển sinh			
44	1.005090	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	UBND cấp tỉnh/UBND cấp xã

	Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo với nước ngoài		
45	2.000545	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
46	1.008720	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
47	1.008721	Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
48	2.000729	Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
49	2.000451	Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
50	2.000680	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn Quyết định cho phép thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
51	1.001501	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
	Lĩnh vực: Kiểm định chất lượng giáo dục		
52	1.000715	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo

53	1.000713	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo
54	1.000711	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo
II	TTHC CẤP XÃ		
	Lĩnh vực: Giáo dục mầm non		
1	1.012961	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Ủy ban nhân dân cấp xã
2	1.006390	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	Ủy ban nhân dân cấp xã
3	1.006444	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	Ủy ban nhân dân cấp xã
4	1.006445	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Ủy ban nhân dân cấp xã
5	1.012962	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Ủy ban nhân dân cấp xã
6	1.012971	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Ủy ban nhân dân cấp xã
7	1.012972	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	Ủy ban nhân dân cấp xã
8	1.012973	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Ủy ban nhân dân cấp xã
9	1.012974	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Ủy ban nhân dân cấp xã
	Lĩnh vực: Giáo dục tiểu học		
10	1.012963	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	Ủy ban nhân dân cấp xã

11	2.001842	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	Ủy ban nhân dân cấp xã
12	1.004552	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	Ủy ban nhân dân cấp xã
13	1.004563	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	Ủy ban nhân dân cấp xã
14	1.001639	Giải thể trường tiểu học (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Ủy ban nhân dân cấp xã
Lĩnh vực: Giáo dục trung học			
15	1.012964	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Ủy ban nhân dân cấp xã
16	1.012965	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	Ủy ban nhân dân cấp xã
17	1.012966	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	Ủy ban nhân dân cấp xã
18	1.012967	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Ủy ban nhân dân cấp xã
19	1.012968	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	Ủy ban nhân dân cấp xã
20	2.002481	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	UBND cấp xã
21	3.000182	Tuyển sinh trung học cơ sở	UBND cấp xã

Lĩnh vực: Giáo dục thường xuyên			
22	1.012969	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	Ủy ban nhân dân cấp xã
23	1.012970	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	Ủy ban nhân dân cấp xã
24	3.000307	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	Ủy ban nhân dân cấp xã
25	3.000308	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	Ủy ban nhân dân cấp xã
Lĩnh vực: Các cơ sở giáo dục khác			
26	3.000309	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	Ủy ban nhân dân cấp xã
27	1.012975	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	Ủy ban nhân dân cấp xã
Lĩnh vực: Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân			
28	1.008724	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Ủy ban nhân dân cấp xã
29	1.008725	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Ủy ban nhân dân cấp xã

30	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	Ủy ban nhân dân cấp xã
31	1.008950	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	Ủy ban nhân dân cấp xã; Cơ sở giáo dục
32	1.008951	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	Ủy ban nhân dân cấp xã; Cơ sở giáo dục
33	1.002407	Xét, cấp học bổng chính sách	UBND cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; Cơ sở giáo dục
34	1.005099	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	Ủy ban nhân dân cấp xã; Cơ sở giáo dục
35	2.002482	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	UBND cấp xã
36	2.002483	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	UBND cấp xã
Lĩnh vực: Giáo dục nghề nghiệp			
37	2.001960	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	<i>Ủy ban nhân dân cấp xã</i>
38	2.002284	<i>Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc cấp xã</i>	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ

STT	Mã TTHC thay thế	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Cơ quan thực hiện
I	TTHC CẤP TỈNH			
	Lĩnh vực: Giáo dục thường xuyên			
1	1.013751	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	<i>Cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực</i>	Sở giáo dục và Đào tạo
2	1.013752	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại	<i>Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực hoạt động trở lại</i>	Sở giáo dục và Đào tạo
3	1.013753	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	<i>Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực</i>	Sở giáo dục và Đào tạo
4	1.013754	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	<i>Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực</i>	Sở giáo dục và Đào tạo
5	1.013755	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập	<i>Cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực</i>	Sở giáo dục và Đào tạo

6	1.013756	Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động trở lại	<i>Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tự thực hoạt động trở lại</i>	Sở giáo dục và Đào tạo
7	1.013757	Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập	<i>Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tự thực</i>	Sở giáo dục và Đào tạo
8	1.013758	Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)	<i>Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tự thực (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)</i>	Sở giáo dục và Đào tạo
Lĩnh vực: Giáo dục nghề nghiệp				
9	1.013759	Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tự thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	<i>Cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật, phân hiệu của trường trung cấp tự thực</i>	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
10	1.013760	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tự thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	<i>Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tự thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i>	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo

11	1.013761	Giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	<i>Cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i>	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
12	1.013762	Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	<i>Cho phép chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i>	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
13	1.013763	Đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	<i>Cho phép đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i>	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
14		Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước	<i>Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; (mã 1.013764)</i>	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo

		ngoài hoạt động không vì lợi nhuận	<i>Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận</i> (mã 1.013765)	
Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo với nước ngoài				
15	1.013767	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ thành lập, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	<i>Giải thể, chấm dứt cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ thành lập</i>	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo
Lĩnh vực: Văn bằng, chứng chỉ				
16	3.000465	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	<i>Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp tỉnh)</i>	Cơ quan, cơ sở giáo dục đang quản lý sổ gốc cấp văn bằng, chứng chỉ tại cấp tỉnh
17	3.000466	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	<i>Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp tỉnh)</i>	Thủ trưởng cơ quan đã cấp văn bằng, chứng chỉ/Cơ quan, cơ sở giáo dục đang quản lý sổ gốc cấp văn bằng, chứng chỉ tại cấp tỉnh

II TTHC CẤP XÃ				
Lĩnh vực: Văn bằng, chứng chỉ				
1	3.000467	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	Cơ quan, cơ sở giáo dục đang quản lý sổ gốc cấp văn bằng, chứng chỉ tại cấp xã
2	3.000468	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	Thủ trưởng cơ quan đã cấp văn bằng, chứng chỉ/Cơ quan, cơ sở giáo dục đang quản lý sổ gốc cấp văn bằng, chứng chỉ tại cấp tỉnh

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên Văn bản QPPL quy định bãi bỏ TTHC
Lĩnh vực: Giáo dục thường xuyên			
1	3.000314	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ
2	1.012957	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ
3	3.000312	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ

4	3.000318	Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục trở lại	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ
5	3.000313	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ
6	3.000319	Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ
Lĩnh vực: Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)			
7	1.000243	Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ
8	1.000031	Đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ
9	1.000234	Giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ
10	1.000160	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ

		đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận	
11	1.000266	Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ
Lĩnh vực: Các cơ sở giáo dục khác			
12	1.001000	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ
13	1.000181	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ
14	2.002594	Đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ
Lĩnh vực: Văn bằng, chứng chỉ			
15	1.005092	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT
16	2.001914	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT